

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư mạng chuyên dùng tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2014; Luật Xây dựng năm 2014; các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị quyết số 111/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015 của HĐND tỉnh quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C; Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mạng chuyên dùng tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1307/BC-SKHĐT ngày 21/11/2017; Tờ trình số 1076/TTr-STTTT ngày 23/10/2017; Công văn số 4192/STC-TCĐT ngày 03/11/2017 của Sở Tài chính; Công văn số 979/KHCN-CNKHCS ngày 09/11/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư mạng chuyên dùng tỉnh Sơn La với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng mạng chuyên dùng tỉnh Sơn La.
2. Chủ đầu tư: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sơn La.
3. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Sơn La.
4. Tổ chức tư vấn lập dự án
 - Tên nhà thầu: Công ty TNHH phần mềm và truyền thông VIC.
 - Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sỹ Mai Thanh Trúc. ✓

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Đầu tư hạ tầng mạng truyền dẫn tốc độ cao, công nghệ hiện đại để khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh; nâng cao khả năng phối hợp, giải quyết công việc giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, góp phần thực hiện tốt công tác cải cách hành chính.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư các thiết bị và đường truyền tại 19 sở, ban, ngành, 12 huyện, thành phố và Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh bao gồm:

6.1. Thiết bị

Stt	Tên thiết bị	Số lượng
1	Thiết bị Firewall cho Trung tâm tích hợp dữ liệu (WAN Firewall)	02
2	Thiết bị Firewall cho các sở, huyện (WAN Firewall)	32
3	Máy chủ quản trị	01
4	Phần mềm chuyên dụng	01
5	Tủ rack 10U và khay	13

6.2. Đường truyền

Stt	Địa điểm	Số lượng	Băng thông	Loại đường truyền
1	Đường truyền cho trung tâm tích hợp dữ liệu.	2	≥ 20Mbps	Đường truyền nội vùng
2	Đường truyền cho các sở, huyện	30	≥ 2Mbps	Đường truyền nội vùng

7. Giải pháp, công nghệ áp dụng trong thiết kế

7.1. Giải pháp, công nghệ thiết bị, đường truyền

a) Đường truyền kết nối: Công nghệ MPLS VPN

b) Máy chủ quản lý các thiết bị: Xuất xứ từ các nước G7; Form Factor Rackmount 2U; CPU 2* Intel Xeon Silver 4114 10C 2.20 GHz; Memory 4*16GB (1x16GB) 1Rx4 DDR4-2666 R ECC; Ổ cứng trong 4*SAS 12G 600GB 10K; 02 x SSD 256GB; Ổ quang DVD, hỗ trợ ổ Bluray; Hỗ trợ RAID 0, 1, 10, 5; Cổng kết nối mạng LAN 4 * 1Gb/s; tính năng quản trị Advanced Video Redirection (AVR) và Virtual Media; Hệ điều hành hỗ trợ Microsoft Windows Server; Vmware vSphere; SUSE Linux; Firmware, driver.

c) Thiết bị Firewall

- Thiết bị Firewall cho các sở, ngành, huyện: Onboard RJ-45 ports 12x1GbE; Onboard small form-factor pluggable (SFP) transceiver ports 4x1GbE; Onboard SFP+ ports 4x10GbE; Dedicated high availability (HA) ports 1x1GbE (SFP); RAM 16G; Primary boot storage (mSATA) 16G; Secondary storage (SSD) 120G; Routing/firewall (64 B packet size) Mpps 2;

Routing/firewall (IMIX packet size) 5 Gbps ; IPsec VPN (IMIX packet size) 1 Gbps; Application visibility and control in 5 Gbps; Recommended IPS in 3 Gbps; Next-generation firewall in 1.5 Gbps; Maximum concurrent sessions (IPv4 or IPv6) 2,000,000; Maximum security policies 16; Connections per second 50; IPsec VPN tunnels 2; Software Specifications Firewall; High Availability Features; Routing Protocols; VPN Features.

- Thiết bị Firewall cho Trung tâm tích hợp dữ liệu: Onboard RJ-45 ports 6x1GbE; Onboard small form-factor pluggable (SFP) transceiver ports 2x1GbE; MACsec ports 2x1GbE; RAM 4G; Storage (flash) 8G; Routing/firewall (64 B packet size) in Kpps 300; Routing/firewall (IMIX packet size) 800 Mbps; IPsec VPN (IMIX packet size) in 200 Mbps; Maximum concurrent sessions (IPv4 or IPv6) 64; Maximum security policies 1; Connections per second 5; IPsec VPN tunnels 256; Software Specifications; Firewall Services; Routing Protocols; VPN Features.

d) Phần mềm quản lý thiết bị: Giao diện Web 2.0 GUI với các chức năng: Nhận diện thiết bị mạng; hỗ trợ mô hình hóa các thiết bị và mạng; quản lý các phần mềm trên các thiết bị được quản lý; quản lý File cấu hình; cho phép tạo ra các cấu hình mẫu; sửa cấu hình; cho phép sửa cấu hình; cho phép quản lý các OS script; quản lý Log.

e) Tủ rack 10U: Kích thước: H560 x W550 x D600mm

7.2. Sơ đồ kết nối thiết kế hệ thống, gồm: Sơ đồ kết nối tổng thể hệ thống và sơ đồ kết nối tại Trung tâm tích hợp dữ liệu (*chi tiết có Báo cáo thẩm định số 275/TTTT-BCTĐDA ngày 31/10/2017 của chủ đầu tư và hồ sơ dự án đã được lập kèm theo*).

7.3. Giải pháp đảm bảo an ninh đường truyền

- Thực hiện mã hóa gói tin trước khi truyền trên đường truyền, khi đã được mã hóa, chỉ điểm đầu (*gói tin xuất phát*) và điểm cuối (*nơi nhận gói tin*) có mã khóa mới có thể đọc được nội dung gói tin.

- Sử dụng giải pháp mã hóa IPsec VPN. Mỗi cơ quan sẽ được trang bị các thiết bị VPN Server để thiết lập các kênh mã hóa khi có trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống với nhau.

8. Tổng mức đầu tư : 8.188,951 triệu đồng

Trong đó:

- Chi phí thiết bị : 7.114,181 triệu đồng
- Chi phí quản lý dự án : 158,416 triệu đồng
- Chi phí tư vấn : 373,856 triệu đồng
- Chi phí khác : 152,548 triệu đồng
- Chi phí dự phòng : 389,950 triệu đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh.

10. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực quản lý dự án. ✓

11. Phương thức thực hiện dự án: Theo Luật Đấu thầu.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2018, 2019.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo nội dung được phê duyệt, tuân thủ theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng công trình hiện hành; tiếp thu các ý kiến tại Báo cáo số 1307/BC-SKHĐT ngày 21/11/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *Handwritten initials*

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trwch HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3; Sở KH&CN;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- TT Hành chính công;
- TT Thông tin;
- Lưu: VT, VX(2 bản),NQ. 20 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thủy